TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 488/2018/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 11 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 823/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn B, sinh năm T, huyện K, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Số I21, khu phố H, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Chị Nguyễn H, sinh năm 1991; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 25, khu phố 2, xã T, huyện K, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Số I21, khu phố H, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn B và chị Nguyễn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn B và chị Nguyễn H tự nguyện thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, Giấy chứng nhận kết hôn số 063/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường T, thị xã K, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 15/10/2012 cho anh Nguyễn B và chị Nguyễn H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn N, sinh ngày 17/10/2012 cho chị Nguyễn H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh

Nguyễn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn N mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 28/10/2018 cho đến khi cháu Nguyễn N đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn H cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Nguyễn B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn B, chị Nguyễn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn B phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng; chị Nguyễn H phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn B tự nguyện nộp thay cho chị Nguyễn H 75.000 đồng, tổng cộng số tiền anh Nguyễn B phải nộp là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0022348 ngày 06/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Bình Dương. Anh Nguyễn B đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị C;
- UBND phường T, thị xã K, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Lê Cẩm Hằng